

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 24 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Anh Toàn | Chủ tịch |
| Ông Trương Văn Ba | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thái Định | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Luận | Thành viên |
| Ông Hoàng Đình Tùng | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|-------------------------|--|
| Ông Nguyễn Thái Định | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2012) |
| Ông Trương Văn Ba | Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2012) |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 18 tháng 3 năm 2013



Số: 464 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013, từ trang 03 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

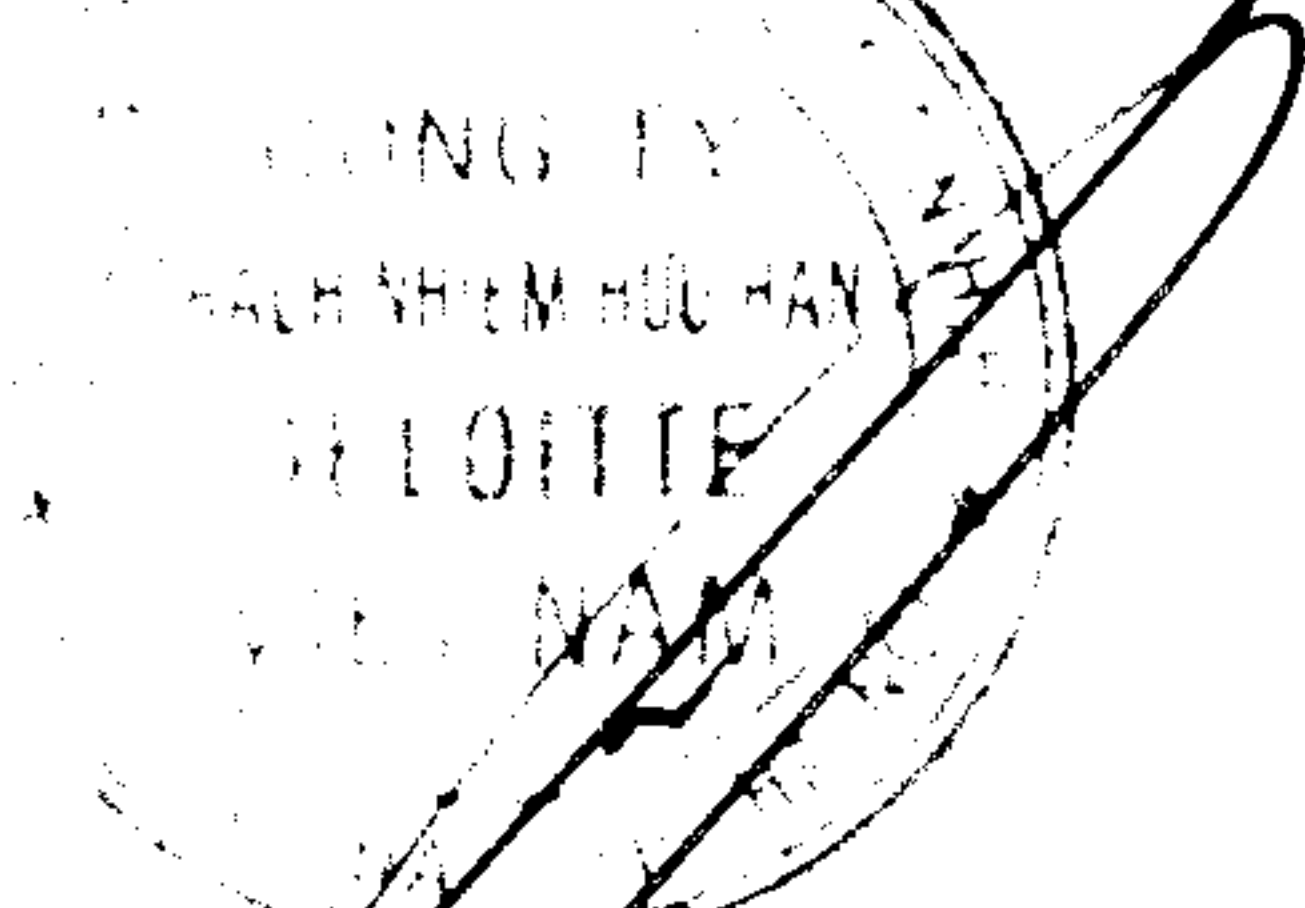
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20 tháng 02 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có lưu ý đến vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán liên quan đến việc trình bày chi tiêu "Đầu tư dài hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | (Trình bày lại) | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 436.416.975.844 | 431.462.109.164 |
| I. Tiền | 110 | 5 | 1.202.482.353 | 14.041.997.466 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.202.482.353 | 14.041.997.466 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 164.829.263.474 | 362.843.165.931 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 164.829.263.474 | 362.843.165.931 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 117.342.347.811 | 32.020.074.178 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 48.640.179.726 | 15.485.823.373 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 1.267.208.510 | 175.000.000 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 7 | 67.636.765.631 | 16.359.250.805 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (201.806.056) | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 142.511.330.309 | 16.263.940.857 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 146.761.330.309 | 16.263.940.857 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (4.250.000.000) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.531.551.897 | 6.292.930.732 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 3.841.577.564 | 2.385.438.975 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 6.489.974.333 | 1.528.175.274 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | 1,785,719,733 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 200.000.000 | 593.596.750 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | 200 | | 28.232.303.752 | 31.953.896.800 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 12.316.538.197 | 14.208.615.277 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 11.828.737.154 | 14.201.920.732 |
| - Nguyên giá | 222 | | 51.265.299.250 | 49.998.788.054 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (39.436.562.096) | (35.796.867.322) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 27.000.000 | 27.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (27.000.000) | (27.000.000) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | 487.801.043 | 6.694.545 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 9.360.000.000 | 9.360.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 10 | 9.360.000.000 | 9.360.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.555.765.555 | 8.385.281.523 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 6.555.765.555 | 8.385.281.523 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 464.649.279.596 | 463.416.005.964 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND


| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | (Trình bày lại) |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 363.667.635.211 | 375.227.511.681 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 363.667.635.211 | 375.067.045.153 |
| 1. Vay ngắn hạn | 311 | 12 | 212.791.241.184 | 231.558.008.919 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 139.340.077.769 | 115.254.640.170 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 325.617.025 | 288.148.480 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 13 | 8.769.864.587 | 2.536.263.735 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 1.379.910.990 | 1.375.471.733 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 1.800.000 | 1.819.503.316 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 287.177.429 | 20.416.711.160 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 771.946.227 | 1.818.297.640 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 160.466.528 |
| 1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 160.466.528 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410) | 400 | | 100.981.644.385 | 88.188.494.283 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 14 | 100.981.644.385 | 88.188.494.283 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 82.400.000.000 | 82.400.000.000 |
| 2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | 3.892.106 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 3.553.768.908 | 2.821.325.249 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 3.553.768.908 | 2.821.325.249 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 11.474.106.569 | 141.951.679 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 464.649.279.596 | 463.416.005.964 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

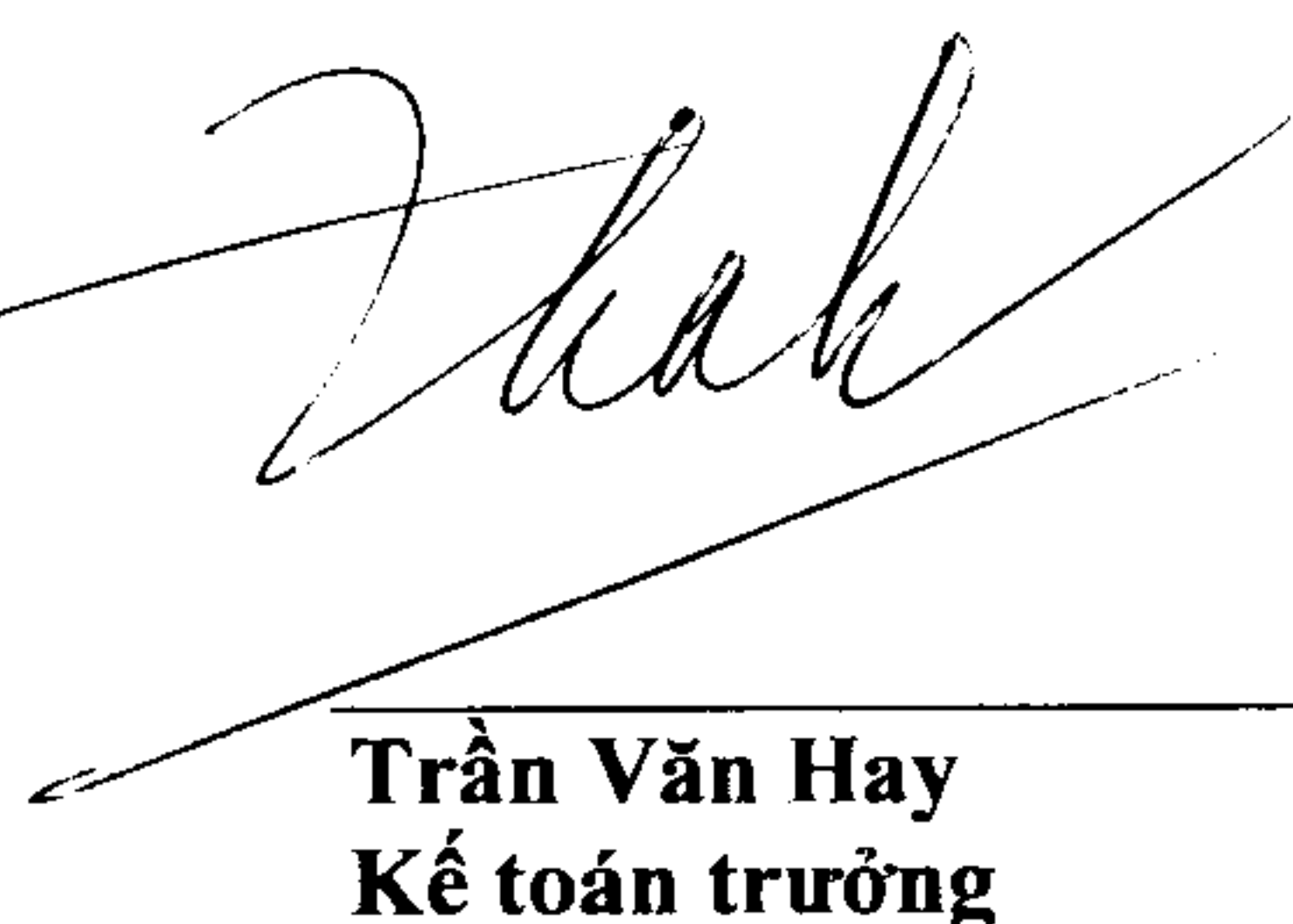
MẪU SỐ B 01-DN

| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Đơn vị | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|--------|-----------------|----------------|
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ | VND | 124.748.014.825 | 94.183.842.757 |
| 2. Ngoại tệ các loại | | | |
| Đô la Mỹ (USD) | USD | - | 30.767,39 |

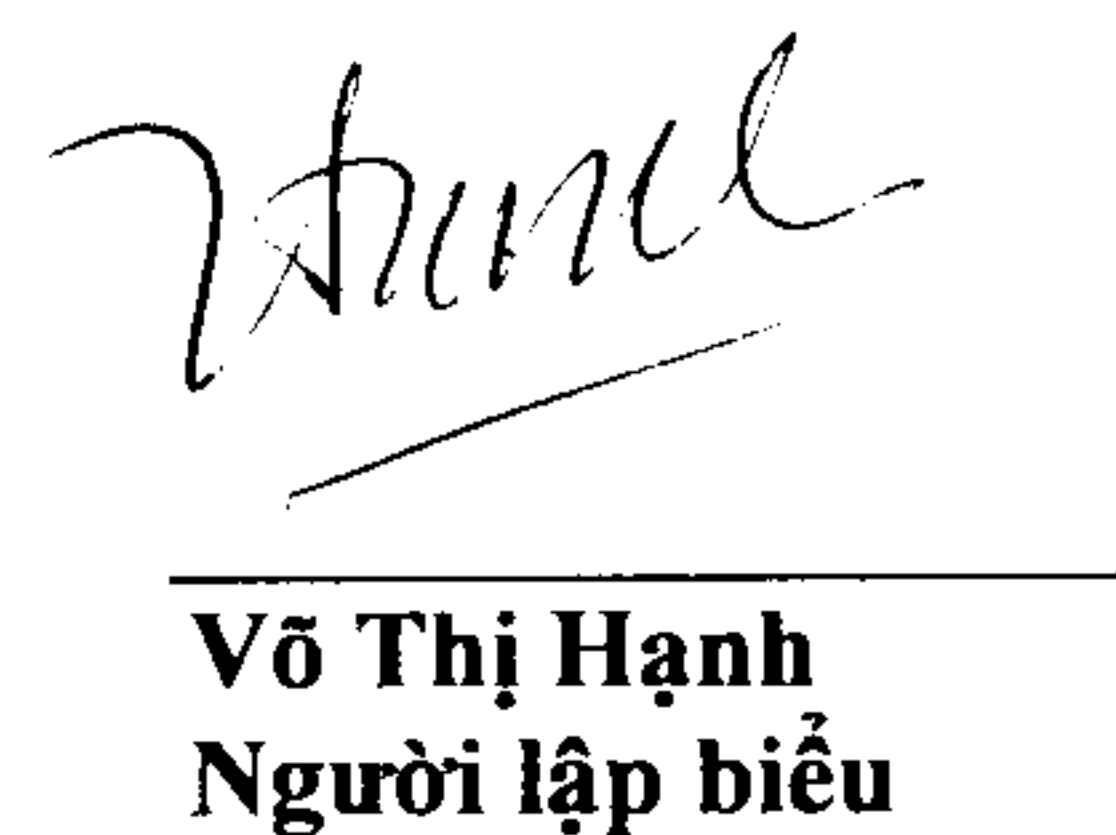


Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013



Trần Văn Hay
Kế toán trưởng



Võ Thị Hạnh
Người lập biểu




31001
CÔNG TY CỔ PHẦN
XĂNG DẦU DẦU KHÍ
PHÚ YÊN

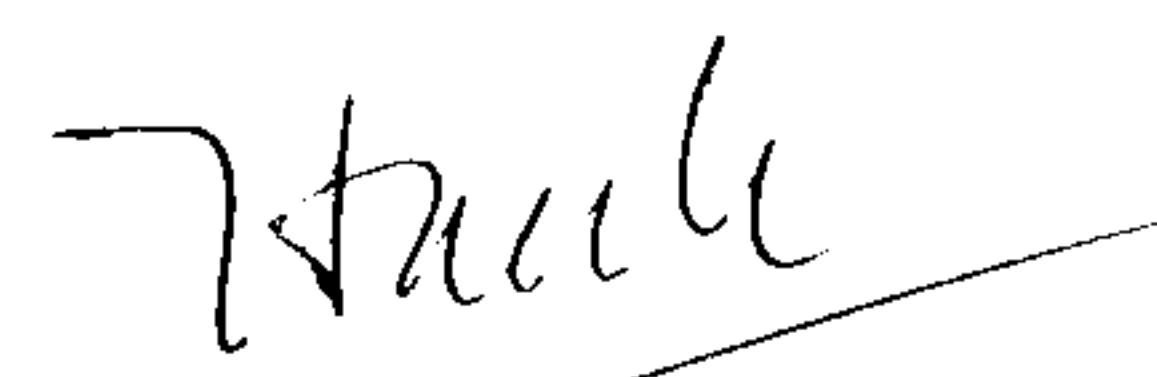
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | 2012 | 2011 |
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 16 | 2.213.302.655.010 | 2.381.481.936.832 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 115.528.000 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02) | 10 | | 2.213.302.655.010 | 2.381.366.408.832 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 2.173.134.058.313 | 2.262.279.895.612 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) | 20 | | 40.168.596.697 | 119.086.513.220 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 18 | 52.551.955.592 | 26.370.907.148 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 19 | 43.536.524.689 | 71.453.491.390 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 43.536.524.689 | 70.049.491.390 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 25.758.725.286 | 29.352.696.058 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 12.821.783.770 | 29.959.841.737 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 10.603.518.544 | 14.691.391.183 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 9.559.162.557 | 16.931.256.532 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 195.528.878 | 1.592.568.312 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 20 | 9.363.633.679 | 15.338.688.220 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 19.967.152.223 | 30.030.079.403 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 21 | 5.318.279.037 | 8.233.899.708 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 14.648.873.186 | 21.796.179.695 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 22 | 1.778 | 2.127 |


 Nguyễn Thái Định
 Giám đốc


 Trần Văn Hay
 Kế toán trưởng


 Võ Thị Hạnh
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

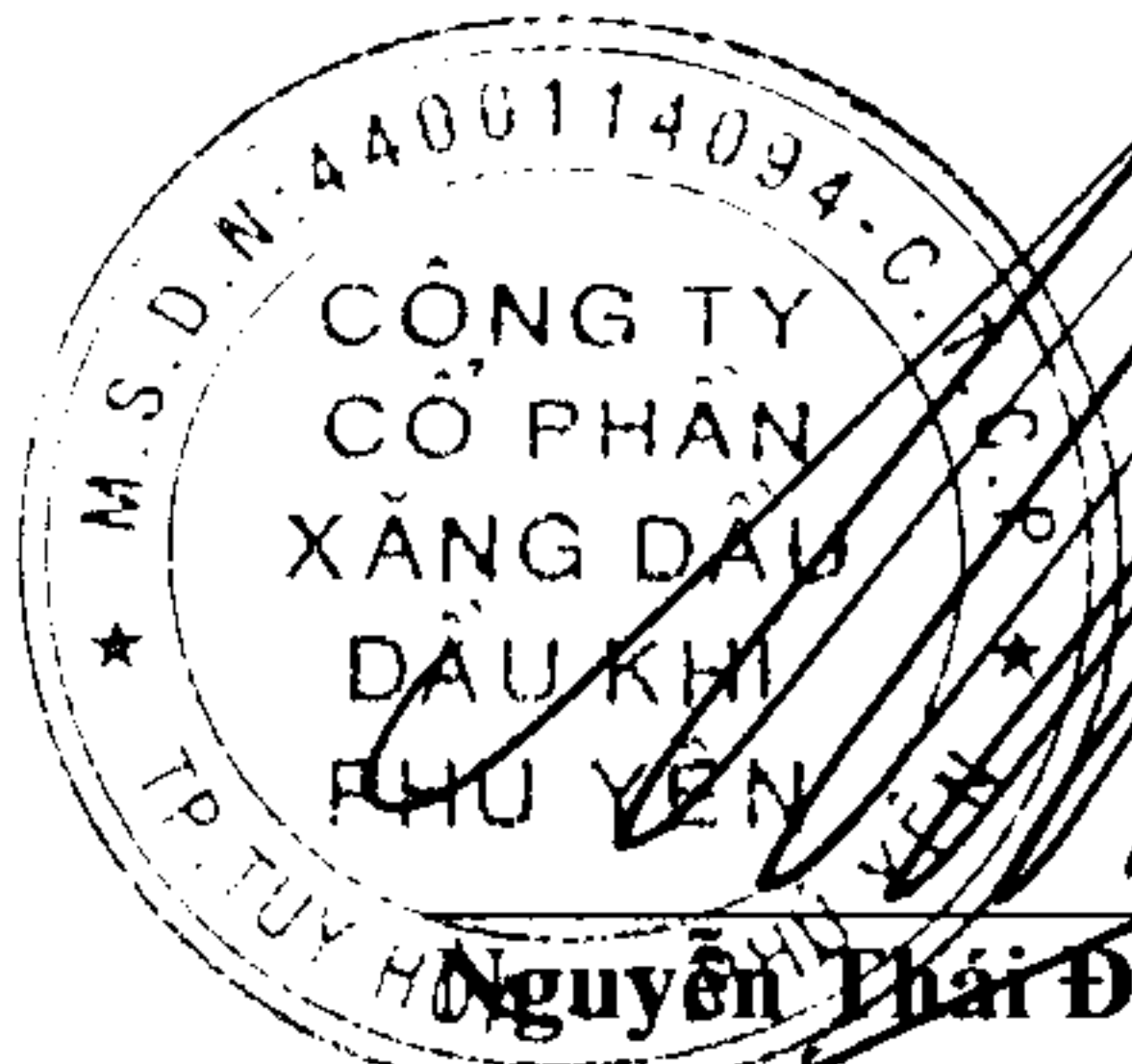
| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | 2011 |
|---|--------------|-------------------------|----------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 19.967.152.223 | 30.030.079.403 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 3.639.694.774 | 8.651.776.868 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 4.451.806.056 | - |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (52.547.202.574) | (17.638.905.585) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 43.536.524.689 | 70.049.491.390 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 19.047.975.168 | 91.092.442.076 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (38.468.480.506) | 24.085.854.318 |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (130.497.389.452) | (1.353.931.300.602) |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | 126.711.352.779 | 125.284.107.381 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 373.377.379 | 3.634.987.328 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (45.348.978.005) | (68.237.038.074) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (7.196.104.022) | (17.075.848.338) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 1.785.719.733 | 640.957.003 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | - | (6.704.020.254) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (73.592.526.926) | (1.201.209.859.162) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (1.446.234.692) | (11.205.066.955) |
| 2. Tiền chi cho vay | 23 | (99.199.000.000) | (201.367.183.665) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay | 24 | 199.483.255.278 | 89.400.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 923.401.082 | 3.589.977.069 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 99.761.421.668 | (119.582.273.551) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 2.008.934.525.778 | 3.325.680.614.660 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (2.027.701.293.513) | (1.972.695.016.754) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (20.237.750.014) | (33.072.249.986) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (39.004.517.749) | 1.319.913.347.920 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (12.835.623.007) | (878.784.793) |
| Tiền đầu năm | 60 | 14.041.997.466 | 14.916.890.153 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (3.892.106) | 3.892.106 |
| Tiền cuối năm | 70 | 1.202.482.353 | 14.041.997.466 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 301.383.002 đồng (năm 2011 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.




Nguyễn Thái Định
Giám đốc


Trần Văn Hay
Kế toán trưởng


Võ Thị Hạnh
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng Dầu dầu khí Phú Yên (gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên. Sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên đã thông qua phương án tách Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên thành hai đơn vị riêng biệt: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên và Công ty Cổ phần Điều Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên nguyên trước đây là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Tổng hợp Phú Yên theo Quyết định số 482/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đầu tư Kinh doanh Vốn nhà nước.

Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400114094 ngày 25 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 132 (31 tháng 12 năm 2011: 131).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là mua bán xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu; mua bán nông lâm thủy sản; mua bán khí đốt; vận tải hàng hóa (kể cả vận tải chất lỏng); sản xuất, chế biến hàng nông lâm sản xuất khẩu; xuất khẩu: hàng nông, lâm, thủy sản; nhập khẩu: xăng, dầu, vật tư, dầu nhờn, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng; nông lâm sản; phương tiện vận tải; hàng hóa tiêu dùng.

Hoạt động chính của Công ty là bán lẻ, bán buôn xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với tài sản cố định nhận bàn giao khi chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chi phí khấu hao bằng giá trị còn lại của tài sản theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 chia số năm khấu hao còn lại tại ngày này. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 6 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 6 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á được Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ đều trong vòng ba (3) năm, bắt đầu từ năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (năm 2010).

250
G T
M H B
T T
N A
T P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 1.149.646.072 | 616.881.489 |
| Tiền gửi ngân hàng | 52.836.281 | 13.425.115.977 |
| | <u>1.202.482.353</u> | <u>14.041.997.466</u> |

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là khoản cho vay để hỗ trợ Công ty Cổ phần Điều Phú Yên trong việc chi trả lương, trả lãi vay, nợ đến hạn và chi thường xuyên khác theo Nghị quyết số 04/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên ngày 24 tháng 9 năm 2011. Lãi suất tiền vay trong kỳ từ 8,5%/năm đến 18,5%/năm. Thời hạn trả nợ gốc và lãi vay không quá ngày 30 tháng 6 năm 2012. Theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 11 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty, thời gian vay được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản tiền cho vay và lãi cho vay tương ứng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác thể hiện chủ yếu khoản lãi tiền cho vay phải thu từ Công ty Cổ Phần Điều Phú Yên.

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công cụ, dụng cụ | 336.086.366 | 267.300.000 |
| Hàng hoá xăng dầu | 61.985.691.846 | 15.996.640.857 |
| Nhân hạt điều xuất khẩu | 84.439.552.097 | - |
| Cộng | <u>146.761.330.309</u> | <u>16.263.940.857</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (4.250.000.000) | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | <u>142.511.330.309</u> | <u>16.263.940.857</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, hàng tồn kho nhân hạt điều xuất khẩu với giá trị là 84.439.551.097 đồng đang được Công ty Cổ Phần Điều Phú Yên giữ hộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--|--|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 33.446.614.278 | 1.410.382.329 | 14.857.502.962 | 284.288.485 | 49.998.788.054 |
| Mua sắm mới | 1.028.655.729 | 157.552.300 | - | 16.272.726 | 1.202.480.755 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 64.030.441 | - | - | - | 64.030.441 |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>34.539.300.448</u> | <u>1.567.934.629</u> | <u>14.857.502.962</u> | <u>300.561.211</u> | <u>51.265.299.250</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 26.271.063.766 | 996.556.124 | 8.346.043.225 | 183.204.207 | 35.796.867.322 |
| Khấu hao trong năm | 2.354.522.150 | 282.209.706 | 965.488.772 | 37.474.146 | 3.639.694.774 |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>28.625.585.916</u> | <u>1.278.765.830</u> | <u>9.311.531.997</u> | <u>220.678.353</u> | <u>39.436.562.096</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>5.913.714.532</u> | <u>289.168.799</u> | <u>5.545.970.965</u> | <u>79.882.858</u> | <u>11.828.737.154</u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>7.175.550.512</u> | <u>413.826.205</u> | <u>6.511.459.737</u> | <u>101.084.278</u> | <u>14.201.920.732</u> |

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|--|---------------------------------|------------------------------|---|--|
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên | Huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên | 39 | 39 | Kinh doanh gas công nghiệp và gas dân dụng |

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh với số tiền 19.371.345.551 đồng được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á được Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước phê duyệt theo quyết định phê duyệt vào tháng 6 năm 2009. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm, bắt đầu từ năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty cổ phần (năm 2010). Từ tháng 8 năm 2011, giá trị còn lại chờ phân bổ tại ngày 31 tháng 7 năm 2011 được phân bổ đều trong vòng năm (5) năm.

| | 2012 VND | 2011 VND |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01 | 8.385.281.523 | 12.914.230.367 |
| Phân bổ trong năm | (1.829.515.968) | (4.528.948.844) |
| Tại ngày 31/12 | <u>6.555.765.555</u> | <u>8.385.281.523</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY NGẮN HẠN**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | | |
| - Chi nhánh Quy Nhơn | - | 10.175.000.000 |
| Ngân hàng HSBC Việt Nam | - | 43.105.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam | | |
| - Chi nhánh Phú Yên | - | 47.954.500.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | | |
| - Chi nhánh Phú Yên | 132.531.241.184 | 130.323.508.919 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | | |
| - Chi nhánh Phú Yên | 80.260.000.000 | - |
| | <u>212.791.241.184</u> | <u>231.558.008.919</u> |

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện:

- Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng và thời gian đáo hạn không quá 4 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất từ 10,5% đến 17%/năm. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.

- Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng và thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất từ 10,5% đến 18%/năm. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Khoản vay này đã được thanh toán hết vào ngày 4 tháng 2 năm 2013.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 617.244.959 | 2.495.069.944 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 96.735.583 | 41.193.791 |
| Thuế bảo vệ môi trường | 8.042.168.500 | - |
| Thuế khác | 13.715.545 | - |
| | <u>8.769.864.587</u> | <u>2.536.263.735</u> |

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Số cổ phần được phép phát hành | 8.240.000 | 8.240.000 |
| Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ | 8.240.000 | 8.240.000 |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|--|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại ngày 01/01/2011 | 117.000.000.000 | 325.350.202 | 2.770.839.190 | 2.770.839.190 | 1.101.010.765 | 123.968.039.347 |
| Kết chuyển chênh lệch tỷ giá trong năm | - | (325.350.202) | - | - | - | (325.350.202) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 21.796.179.695 | 21.796.179.695 |
| Đánh giá lại số dư cuối năm | - | 3.892.106 | - | - | - | 3.892.106 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | 1.089.808.984 | 1.089.808.984 | (6.820.178.604) | (4.640.560.636) |
| Bàn giao khi tách công ty | (34.600.000.000) | - | (1.039.322.925) | (1.039.322.925) | (3.367.760.177) | (40.046.406.027) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (12.360.000.000) | (12.360.000.000) |
| Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (157.000.000) | (157.000.000) |
| Chi khác | - | - | - | - | (50.300.000) | (50.300.000) |
| Số dư tại ngày 31/12/2011 | 82.400.000.000 | 3.892.106 | 2.821.325.249 | 2.821.325.249 | 141.951.679 | 88.188.494.283 |
| Kết chuyển chênh lệch tỷ giá trong năm | - | (3.892.106) | - | - | - | (3.892.106) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 14.648.873.186 | 14.648.873.186 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | 732.443.659 | 732.443.659 | (3.174.718.296) | (1.709.830.978) |
| Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (142.000.000) | (142.000.000) |
| Số dư tại ngày 31/12/2012 | 82.400.000.000 | - | 3.553.768.908 | 3.553.768.908 | 11.474.106.569 | 100.981.644.385 |

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2012 với số tiền lần lượt là 732.443.659 đồng, 732.443.659 đồng, 1.709.830.978 đồng và 142.000.000 đồng.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | | Vốn đã góp | |
|--|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cổ phần | % | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | | | VND | VND |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 5.531.360 | 67 | 55.313.600.000 | 55.313.600.000 |
| Ông Nguyễn Lăng | 695.185 | 8 | 6.951.850.000 | 6.951.850.000 |
| Ông Nguyễn Văn Luận | 621.450 | 8 | 6.214.500.000 | 6.214.500.000 |
| Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn Hà Nội | 514.037 | 6 | 5.140.370.000 | 5.140.370.000 |
| Bà Đoàn Thị Liên | 380.308 | 5 | 3.803.080.000 | 3.803.080.000 |
| Các cổ đông khác | 497.660 | 6 | 4.976.600.000 | 4.976.600.000 |
| | 8.240.000 | 100% | 82.400.000.000 | 82.400.000.000 |

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý vì hoạt động chính của Công ty là mua bán xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.195.033.586.547 | 1.283.211.407.501 |
| Doanh thu bán hạt điều | 12.503.731.816 | 1.091.822.657.539 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ, nội bộ | 5.765.336.647 | 6.447.871.792 |
| | <u>2.213.302.655.010</u> | <u>2.381.481.936.832</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Giảm giá hàng bán | - | (115.528.000) |
| | <u>2.213.302.655.010</u> | <u>2.381.366.408.832</u> |

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2012 | 2011 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.175.458.397.471 | 2.265.019.163.563 |
| Chi phí nhân công | 15.726.159.648 | 25.199.134.119 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.639.694.774 | 3.935.647.751 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.650.401.629 | 17.213.277.017 |
| Chi phí khác | 4.239.913.847 | 10.225.210.957 |
| | <u>2.211.714.567.369</u> | <u>2.321.592.433.407</u> |

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2012 | 2011 |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 127.801.082 | 2.185.977.069 |
| Lãi đầu tư tài chính ngắn hạn | 51.623.801.492 | 16.007.964.141 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 795.600.000 | 1.404.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 4.753.018 | 6.772.965.938 |
| | <u>52.551.955.592</u> | <u>26.370.907.148</u> |

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính chủ yếu thể hiện lãi tiền vay trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Đây là khoản chi phí phát sinh từ các khoản vay được trình bày tại thuyết minh số 12 và lãi vay trả chậm từ khoản phải trả Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

| | 2012 | 2011 |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền vay | 36.785.022.425 | 67.522.147.364 |
| Lãi trả chậm | 6.751.502.264 | 2.527.344.026 |
| Chi phí hoạt động tài chính khác | - | 1.404.000.000 |
| | <u>43.536.524.689</u> | <u>71.453.491.390</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. LỢI NHUẬN KHÁC**

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho | 9.412.598.686 | 16.051.847.779 |
| Thu nhập khác | 146.563.871 | 879.408.753 |
| | <u>9.559.162.557</u> | <u>16.931.256.532</u> |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | - | 555.035.623 |
| Chi phí khác | 195.528.878 | 1.037.532.689 |
| | <u>195.528.878</u> | <u>1.592.568.312</u> |
| Lợi nhuận khác | <u>9.363.633.679</u> | <u>15.338.688.220</u> |

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.967.152.223 | 30.030.079.403 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (795.600.000) | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 2.101.563.925 | 2.905.519.434 |
| Thu nhập chịu thuế | 21.273.116.148 | 32.935.598.837 |
| Thuế suất thông thường | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | <u>5.318.279.037</u> | <u>8.233.899.708</u> |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHẦN

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2012 | 2011 |
|--|---------------------|---------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông | 14.648.873.186 | 21.796.179.695 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phần | 14.648.873.186 | 21.796.179.695 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phần | 8.240.000 | 10.249.644 |
| Lãi cơ bản trên cổ phần | <u>1.778</u> | <u>2.127</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

| | 2012 | 2011 |
|---|-------------------|-------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 529.285.156 | 1.074.073.251 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Trong vòng một năm | 558.152.376 | 528.981.981 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 1.358.035.554 | 1.816.255.551 |
| Sau năm năm | 520.377.160 | 620.260.865 |
| | <u>2.436.565.090</u> | <u>2.965.498.397</u> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê đất ở các cửa hàng xăng dầu tại tỉnh Phú Yên với các thời hạn thuê khác nhau từ ngày 1 tháng 12 năm 2006 đến ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Tiền thuê văn phòng tại số 307 Nguyễn Huệ, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên từ ngày 24 tháng 4 năm 2012 đến ngày 24 tháng 4 năm 2015 với đơn giá thuê 8.000.000 đồng/tháng.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Các khoản vay | 212.791.241.184 | 231.558.008.919 |
| Trừ: Tiền | (1.202.482.353) | (14.041.997.466) |
| Nợ thuần | 211.588.758.831 | 217.516.011.453 |
| Vốn chủ sở hữu | 100.981.644.385 | 88.188.494.283 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | <u>210%</u> | <u>247%</u> |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

